

Số: 1462/QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Chăm sóc và Chữa trị vật nuôi
trực thuộc Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-ĐHH ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Đại học Huế về việc tổ chức lại Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế tại Tờ trình số 138/TTr-VCNSH ngày 29 tháng 8 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức cán bộ Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án thành lập Trung tâm Chăm sóc và Chữa trị vật nuôi trực thuộc Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

Điều 2. Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thành lập Trung tâm Chăm sóc và Chữa trị vật nuôi trực thuộc Viện Công nghệ sinh học theo quy định hiện hành.

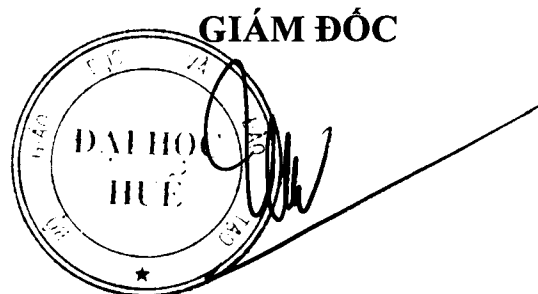
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng, Viện trưởng Viện Công nghệ sinh, Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...uu

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Giám đốc ĐHH;
- Lưu: VT, TCCB, ĐMH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Linh

**ĐỀ ÁN THÀNH LẬP
TRUNG TÂM CHĂM SÓC VÀ CHỮA TRỊ VẬT NUÔI**

**Phần I
TRỰC TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

1. Thực trạng Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế

Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế (sau đây gọi tắt là Viện) được thành lập theo Quyết định số 808/QĐ-ĐHH ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 523/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế với mục tiêu phát triển Viện thành một trung tâm công nghệ sinh học cấp quốc gia tại miền Trung có khả năng giải quyết các nhiệm vụ cơ bản và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, Giám đốc Đại học Huế đã ký Quyết định số 939/QĐ-ĐHH về việc tổ chức lại Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế thành đơn vị thành viên thuộc Đại học Huế.

1.1. Chức năng:

Nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ sinh học, phát triển các công nghệ nền và ứng dụng công nghệ nền để tạo ra các sản phẩm khoa học có giá trị đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội; ươm tạo và chuyển giao công nghệ; thực hiện, cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo nhu cầu của xã hội; thương mại hóa sản phẩm; đào tạo và liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ về sinh học, công nghệ sinh học và các lĩnh vực liên quan với các đơn vị trong và ngoài Đại học Huế để cung cấp nguồn nhân lực công nghệ cao cho xã hội.

1.2. Nhiệm vụ:

- Nghiên cứu khoa học
- Ươm tạo và chuyển giao công nghệ
- Thương mại hóa sản phẩm
- Cung cấp, hỗ trợ các dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ

- Hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng
- Cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ
- Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, xây dựng, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động.
- Quyết định mời, ký kết hợp đồng với các tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước.
- Quản lý, đảm bảo quyền và lợi ích của người học.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị theo phân cấp của Đại học Huế.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Đại học Huế giao và theo quy định của pháp luật.

1.3. Cơ chế hoạt động

Tổ chức bộ máy Viện hoạt động theo Pháp luật, Điều lệ trường Đại học, các Quy chế, Luật giáo dục, Luật Khoa học - Công nghệ, Luật viên chức.

Viện hoạt động theo Quy chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân: có con dấu và tài khoản riêng.

Được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4. Tổ chức bộ máy, nhân sự

a) Tổ chức bộ máy

- Ban Lãnh đạo: 03 người (01 Viện trưởng, 02 Phó Viện trưởng);
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Phòng chức năng: 02 phòng, gồm phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Khoa học – Đào tạo và Hợp tác quốc tế;
- Bộ môn chuyên môn: 05 bộ môn, gồm Bộ môn Sinh học và Công nghệ sinh học ứng dụng, Bộ môn Công nghệ Gen, Bộ môn Công nghệ vi sinh, Bộ môn Công nghệ tế bào, Bộ môn Miễn dịch học và Vắc xin.
- Trung tâm trực thuộc: Trung tâm Ươm tạo và Chuyển giao công nghệ.

b) Nhân sự

- Tổng số viên chức lao động hiện có (bao gồm HĐLĐ vụ việc): 25 người (trong đó viên chức: 07 người, HĐLĐ: 18 người).
- Trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự: PGS.TS: 02 người; Tiến sĩ: 03 người; Thạc sĩ: 09 người (02 NCS nước ngoài, 01 NCS trong nước); Đại học:

10 người (01 học viên cao học nước ngoài, 02 học viên cao học trong nước);
Khác: 01 người.

1.5. Cơ sở vật chất - Trang thiết bị

*** Cơ sở vật chất:**

Viện được xây dựng trên diện tích: 54.429 m², bao gồm: tòa nhà 03 tầng được đưa vào sử dụng vào năm 2013 và các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ nghiên cứu khoa học; 02 nhà lười phục vụ nghiên cứu; khu trại thực nghiệm.

*** Về kết quả thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ được giao:**

- Hoạt động khoa học công nghệ

Trong giai đoạn 2014 - 2018, cán bộ Viện đã và đang chủ nhiệm, tham gia 03 đề tài KH&CN cấp Nhà nước; 10 đề tài cấp Bộ; 03 đề tài cấp tỉnh, 15 đề tài cấp Đại học Huế, 04 dự án hợp tác quốc tế và 05 đề tài cấp Viện. Các cán bộ nghiên cứu của Viện CNSH đã cho xuất bản khoảng 300 bài báo trong và ngoài nước được hội đồng chức danh giáo sư công nhận. Đồng thời các cán bộ Viện đã cho xuất bản 05 sách tham khảo và 01 sách hướng dẫn chuyên môn. Có 02 công trình của cán bộ Viện được giải Nhất Hội thi sáng tạo kỹ thuật Thừa Thiên Huế lần thứ VII năm 2015 và lần thứ VIII năm 2016; ngoài ra, hằng năm các nhóm nghiên cứu của Viện đã nhận được giải thưởng khuyến khích tài năng của Đại học Huế và những giải thưởng của tập thể, cá nhân khác.

Tổ chức các Hội nghị, hội thảo khoa học về CNSH, góp phần quảng bá Viện trên toàn quốc và Châu Á.

- Công tác đào tạo và hỗ trợ đào tạo

Viện Công nghệ sinh học có chức năng đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Sinh học, Công nghệ sinh học và các ngành liên quan; tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn theo nhu cầu xã hội; hợp tác với các trường đại học, viện và trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để đào tạo nhân lực chất lượng cao.

+ Đào tạo sau đại học: Hiện tại, Viện đang tiến hành các thủ tục để chuẩn bị mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ về Sinh học và dự kiến sẽ tuyển sinh vào tháng 10 năm 2018.

+ Liên kết đào tạo: Liên kết đào tạo đại học và sau đại học ngành CNSH và các ngành có liên quan đến ứng dụng CNSH của các trường thành viên của Đại học Huế.

+ Tập huấn kỹ thuật: tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật cho các cán bộ ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên liên quan đến sinh học phân tử, nuôi cấy mô tế bào thực vật...

Đào tạo nhân lực CNSH cho xã hội: trong 5 năm qua, Viện CNSH đã tham gia đào tạo 10 NCS cho Đại học Huế, trên 50 học viên cao học và hơn 100 sinh viên cho các trường thành viên của Đại học Huế.

*** Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế**

Viện đã ký 01 Bản ghi nhớ về Khoa học Công nghệ với Đại học Okayama và Đại học Obihiro- Nhật Bản. Trên cơ sở đó đã có 01 cán bộ đã được gửi đi đào ngắn hạn tại Đại học Oihiro và 01 cán bộ đang theo học chương trình đào tạo Tiến sĩ tại Trường đại học Okayama. Một số đề tài, dự án hợp tác quốc tế đã được phối hợp triển khai tại Viện.

Tham gia tổ chức thành công Hội thảo quốc tế công nghệ sinh học Châu Á với Liên đoàn Công nghệ sinh học Châu Á (AFOB).

Tham gia nhiều hội thảo, hội nghị quốc tế về Công nghệ sinh học, đón tiếp và làm việc với các đoàn chuyên gia đến từ trường Đại học Kagawa, Đại học Obihiro, Nhật Bản; Đại học Quốc gia Chungcheng, Đài Loan. Đẩy mạnh hợp tác trong hoạt động đào tạo với các Trường đại học từ các nước tiên tiến như Đại học Okayama - Nhật Bản; Đại học Quốc gia Chonbuk - Hàn Quốc; Đại học Ankara - Thổ Nhĩ Kỳ.

1.6. Mục tiêu phát triển:

a. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Viện Công nghệ sinh học thành một trung tâm CNSH cấp quốc gia tại miền Trung có đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, tiến tới sáng tạo các công nghệ nền của công nghệ sinh học; có cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế, có đội ngũ nhân lực đủ khả năng giải quyết các nhiệm vụ mang tầm chiến lược quốc gia, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu công nghệ tạo các sản phẩm chất lượng cao cho sản xuất quy mô sản xuất thử nghiệm và quy mô công nghiệp.

b. Mục tiêu cụ thể

*** Nghiên cứu và tổ chức các nghiên cứu**

- Ưu tiên phát triển nghiên cứu cơ bản, công nghệ nguồn để trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu hàng đầu về công nghệ sinh học (CNSH) ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ gen và tế bào, protein/enzyme, vi sinh, hóa sinh, GMO nhằm tập trung vào 2 hướng chính:

+ Sàng lọc các vi sinh vật có hoạt tính sinh học phục vụ khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên sẵn có của các địa phương miền Trung và Tây Nguyên một cách hợp lý.

+ Bảo tồn và phát triển các nguồn gen đặc hữu quý hiếm trên công nghệ mới của nhân loại như gen, tế bào, GMO mức độ gen và cấy ghép cơ quan (xenotransplantation & cloning).

- Tiếp cận các hướng nghiên cứu ứng dụng để phát triển học thuật, nâng cao trình độ của cán bộ nghiên cứu, triển khai thử nghiệm và ứng dụng các kết quả nghiên cứu thành công. Tập trung vào 03 hướng chính:

+ Phát triển các loại vaccine, kháng thể phòng và trị các bệnh truyền nhiễm, KIT chẩn đoán bệnh di truyền và bệnh truyền nhiễm cho người và vật nuôi.

+ Sản xuất các loại chế phẩm sinh học ứng dụng trong y dược, nông nghiệp và công nghệ thực phẩm bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

+ Phát triển các quy trình bảo quản rau quả và chế biến thực phẩm truyền thống hướng đến thực phẩm sạch an toàn cho sức khỏe con người.

* Đào tạo

Xây dựng Viện trở thành một cơ sở đào tạo sau đại học về CNSH có uy tín ở Việt Nam và Đông Nam Á để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Tập huấn cho các kỹ thuật viên, chuyên viên và học viên về CNSH, cấp chứng chỉ kỹ thuật viên phòng thí nghiệm cho người học.

* Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao CNSH

Nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu qua các doanh nghiệp khoa học công nghệ để đầu tư cho các nghiên cứu ứng dụng mới có tính khả thi cao hơn.

* Tạo dựng các mô hình CNSH và công nghệ cao

Nuôi cấy mô, chuyển gen, công nghệ các hoạt chất sinh học thông qua chiết và chế biến các loại dược liệu, thực phẩm và các chất sinh học bảo vệ môi trường và chăm lo sức khỏe cho con người, cũng như bảo tồn và phát triển tài nguyên.

* Tăng cường hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh phát triển các hợp tác nghiên cứu CNSH với các nước phát triển nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng CNSH vào sản xuất và đời sống, góp phần đẩy mạnh các hợp tác song phương trong nghiên cứu và đào tạo CNSH.

2. Sự cần thiết thành lập Trung tâm

Trong những năm gần đây đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã tăng lên một cách rõ rệt. Như một kết quả tất yếu, khi điều kiện vật chất được

nâng cao thì con người lại chú ý nhiều hơn ở nhu cầu giải trí. Với truyền thống yêu quý vật nuôi, cùng với thói quen nuôi thú cưng trong nhà có từ xa xưa của người dân, ngày nay truyền thống và thói quen tốt đẹp ấy tiếp tục được phát huy, biến nó thành một thú tiêu khiển cực kỳ tao nhã và bổ ích. Việc nuôi thú cưng không chỉ phát triển ở các thành phố lớn mà còn được phổ biến rộng rãi ở các vùng quê của Việt Nam. Thú cưng còn thể hiện đẳng cấp, tính cách, phong cách sống của chủ sở hữu. Vì vậy, những người chủ rất quan tâm đến việc chăm sóc những chú thú cưng của mình. Họ có thể chi trả một khoản kinh phí khá lớn để thuê dịch vụ chăm sóc kỹ lưỡng cho thú cưng. Tuy nhiên do quá bận rộn với công việc hoặc do họ không đủ kiến thức, kỹ năng chăm sóc, họ thường tìm đến những trung tâm chăm sóc thú cưng. Ngoài ra, người chủ trong thời gian đi công tác hoặc du lịch dài ngày không thể mang theo vật nuôi, họ có nhu cầu gửi lưu trú tại các trung tâm chăm sóc vật nuôi. Đồng thời nhu cầu làm đẹp cho con vật yêu thích của người dân và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi (thú cưng) ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Do đó, mô hình dịch vụ này đang dần phát triển tại Việt Nam nói chung và tại Thừa Thiên Huế nói riêng.

Mặc dù nhu cầu của thị trường cao nhưng ngay tại Thành phố Huế các cơ sở thú y có thể đáp ứng nhu cầu không nhiều. Xuất phát từ thực tế đó, Viện xây dựng đề án thành lập *Trung tâm chăm sóc và chữa trị vật nuôi* (sau đây gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế với mục đích phát huy những thế mạnh sẵn có về vị trí và đội ngũ cán bộ của Viện. Đồng thời tạo thêm nguồn thu cho đơn vị để nâng cao đời sống cho Cán bộ và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Thú y 2015; Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

- Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế;

- Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-ĐHH ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Đại học Huế về việc tổ chức lại Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế;

- Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-ĐHH ngày 20 tháng 8 năm 2018 của

Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế;

- Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-VCNSH ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế.

Phần II **NGUỒN LỰC**

1. Cơ sở vật chất

1.1. Cơ sở vật chất có sẵn:

- 02 phòng làm việc tại Viện để sử dụng làm phòng khám, phòng điều trị và chăm sóc vật nuôi với diện tích 60m²/phòng.

- Mua sắm một số trang thiết bị chuyên dụng khác.

- Sử dụng diện tích 1000 m² tại Viện để xây dựng các phòng lưu trú của vật nuôi (chó/mèo...).

- Phòng học, phòng hội thảo, thư viện: sử dụng chung các phòng của Viện (*Phụ lục 1 đính kèm*).

1.2. Cơ sở vật chất cần đầu tư, trang bị

Trên cơ sở vật chất thiết bị sẵn có của đơn vị, Trung tâm cần đầu tư thêm một số trang thiết bị chuyên dụng cần thiết để phục vụ cho dịch vụ chăm sóc, chữa trị và lưu giữ vật nuôi (*Phụ lục 2 đính kèm*).

2. Tài chính

* Tài chính hoạt động của trung tâm 1-2 năm đầu xin hỗ trợ từ Viện Công nghệ sinh học và nguồn xã hội hóa, sau đó tự chủ hoàn toàn.

Dự kiến nguồn thu:

- Từ các hoạt động dịch vụ chăm sóc/điều trị bệnh cho vật nuôi, tư vấn trong lĩnh vực phòng và điều trị bệnh và lưu trú của vật nuôi.

- Dịch vụ trong lĩnh vực thuốc thú y, thức ăn cho thú cưng và một số vật nuôi khác (các hợp chất, hóa chất và sinh phẩm thú y).

Dự kiến chi: chi lương và các khoản trích theo lương cho lao động hợp đồng, thù lao cho cán bộ phối hợp, chi thường xuyên và chi mua sắm vật chất, thuốc men, dụng cụ chăm sóc, chữa bệnh cho vật nuôi.

(Phụ lục 3 đính kèm).

3. Nhân sự

- Số lượng: 06 cán bộ kiêm nhiệm và 01 dự kiến tuyển mới HĐLĐ, gồm:

- + 01 Giám đốc Trung tâm;
- + 01 cán bộ kỹ thuật;
- + 01 kỹ thuật viên;
- + 03 cán bộ phối hợp.
- Yêu cầu chuyên môn:
- + Giám đốc Trung tâm: có trình độ Tiến sĩ trở lên và có chuyên môn phù hợp.
- + Cán bộ kỹ thuật: có trình độ Đại học trở lên có chuyên ngành phù hợp.
- + Kỹ thuật viên: có trình độ Cao đẳng trở lên có chuyên ngành phù hợp.

Phần III

TÊN GỌI, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Tên gọi

Tên tiếng Việt: Trung tâm chăm sóc và chữa trị vật nuôi.

Tên tiếng Anh: Centre for animal care and disease control

Tên viết tắt: CADI

2. Chức năng

Trung tâm có chức năng thực hiện các dịch vụ chăm sóc, phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị cho vật nuôi. Cung cấp dịch vụ thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc và chữa trị bệnh vật nuôi.

3. Nhiệm vụ

- Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và điều trị, phục hồi chức năng cho vật nuôi;
- Tư vấn kỹ thuật về cách chăm sóc, nuôi dưỡng, làm đẹp và trông giữ vật nuôi;
- Chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chăm sóc, chẩn đoán và phòng trị bệnh với công nghệ cao.
- Tham gia phòng chống dịch bệnh cho thú nuôi (như tiêm phòng bệnh dại chó, mèo và một số bệnh khác...);
- Các dịch vụ trong lĩnh vực thuốc thú y (kinh doanh thuốc, kháng thể, vắc xin và men vi sinh bổ sung trong thức ăn,...), thức ăn cho vật nuôi và phụ kiện, vật tư làm đẹp cho thú cưng;
- Tìm kiếm và tham gia các chương trình chăm sóc các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Viện trưởng giao.

4. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm bao gồm 01 Giám đốc và 5-6 cán bộ (tùy theo yêu cầu công việc) dưới hình thức kiêm nhiệm/phối hợp.

- Sử dụng nguồn nhân sự hiện tại của Viện theo hình thức kiêm nhiệm từ nhân sự của các bộ môn và phòng chức năng:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Vị trí, công việc	Ghi chú
1	Huỳnh Văn Chương	TS.BSTY	Giám đốc Trung tâm – Trưởng bộ môn Miễn dịch học và Vắc xin kiêm nhiệm. - Quản lý điều hành, xây dựng các chiến lược và định hướng phát triển Trung tâm, chịu trách nhiệm về hoạt động chuyên môn.	
2	Đặng Thanh Long	ThS	Cán bộ phối hợp - Kiểm tra và xét nghiệm trong phòng thí nghiệm.	Nghiên cứu sinh
3	Nguyễn Thị Như Ánh	CN	Cán bộ phối hợp - Chăm sóc khách hàng	
4	Hồ Thị Thanh Nga	ThS	Cán bộ phối hợp - Quản lý các hoạt động tài chính	
5	Trần Vinh Phương	ThS	Cán bộ phối hợp - Giới thiệu và quảng bá các hoạt động của Trung tâm.	
6	Trần Thị Bách Thảo	CN	Cán bộ phối hợp - Thường trực Trung tâm và phụ trách bán hàng	
7	Dự kiến tuyển mới		Kỹ thuật viên	

5. Phương thức hoạt động

- Trung tâm hoạt động theo Luật Thú y 2015; Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

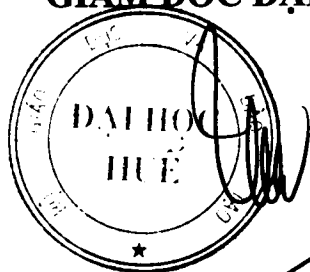
- Hoạt động theo Quy định của Chi cục chăn nuôi và thú y tỉnh Thừa Thiên Huế về quản lý các dịch vụ Thú y và chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hoạt động trong lĩnh vực khám và phòng trị Vật nuôi; các dịch vụ thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi...theo quy định hiện hành của đơn vị quản lý chuyên môn. Đồng thời Trung tâm còn hoạt động theo cơ chế chung của Viện được ban hành theo Quyết định số 132/QĐ-VCNSH ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Viện trưởng Viện Công nghệ sinh học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế (có phụ lục theo kèm).

Phần IV KẾT LUẬN

Các điều kiện để thành lập Trung tâm chăm sóc và chữa trị vật nuôi là hoàn toàn đáp ứng đầy đủ yêu cầu cả về đội ngũ, tài chính, cơ sở vật chất và cơ sở vật chất. Trung tâm sẽ là tiền đề tiến tới thành lập 01 Bệnh viện Thú y trong tương lai tại Tỉnh Thừa Thiên Huế.

PHÊ DUYỆT CỦA
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ



Nguyễn Quang Linh

VIỆN TRƯỞNG



Trương Thị Hồng Hải

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC TRANG THIẾT TRUNG TÂM SỬ DỤNG CHUNG

1. Các thiết bị tại phòng thí nghiệm bộ môn Miễn dịch học và Vắc xin (phòng 2.4)

STT	Danh mục tài sản	Năm	Số lượng	Ghi chú
1	Máy lắc ổn nhiệt, Model: 3032	2008	1	
2	Tủ lạnh sâu đứng -86 độ C, Model: MDF-U53V	2008	1	
3	Tủ bảo quản mẫu 4°C (loại lớn)	2004	1	
4	Máy khuấy từ gia nhiệt, Model: C-MAG HS 7	2009	2	
5	Mixer, Model: Thermomixer Comfort	2008	1	
6	Tủ âm, Model: MIR 262	2008	1	
7	Buồng đếm hồng cầu loại mạ bạc	2009	1	
8	Hệ điện di đứng phân tích Protein	2004	2	
9	Hệ điện di loại nhỏ ngang phân tích gen	2004	2	
10	Tủ lạnh sâu đứng -30 độ C, Model: MDF-U333	2008	1	
11	Máy ly tâm lạnh (14,000 rpm), Model: 5417R	2008	1	
12	Máy ly tâm ống eppendorf, Model: 5424	2008	1	
13	Bộ nguồn điện di đứng loại lớn đa năng, Model: PowerPac Universal	2008	2	
14	Tủ sấy, Model: MOV-212	2008	1	
15	Heating block, Model: SBH 130 D	2008	1	
16	Máy ly tâm tube eppendorf loại mini, Model: MiniSpin	2008	2	
17	Máy cắt Strips	2012	1	
18	Luỡi dao cắt phía trên cho máy Strips	2012	3	
19	Luỡi dao cắt phía dưới cho máy Strips	2012	3	
20	Máy ấp trứng, Model: Highh Hatch Incubator	2009	1	
21	Tủ lạnh sâu -30oC. Model: MDF-236	2004	1	

22	Kính hiển vi quang học	2008	1	
----	------------------------	------	---	--

2. Các thiết bị dùng chung tại các phòng thí nghiệm trực thuộc Viện

2.1. Thiết bị phòng 2.5

STT	Danh mục tài sản	Năm	Số lượng
1	Máy scanner phân tích hình ảnh	2004	1
2	Hệ thống phân tích đột biến	2004	1
3	Hệ thống điện di đẳng điện cho Protein	2004	1
4	Hệ thống phân tích ELISA tự động	2004	1
5	Hệ phân tích và lưu trữ hình ảnh cho gen	2004	1
6	Bộ điện di trường gián đoạn, Model: CHEF Mapper	2008	1
7	Hệ thống thu giữ tín hiệu màng lai không dùng đồng vị, Model: VersaDoc MP 4000	2008	1
8	Máy phân tích trình tự gen tự động, Model: 3130	2008	1
9	Máy lai DNA dùng trong kỹ thuật fish, Model: Hybridizer	2008	1
10	Máy Real-time PCR, Model: Mini Opticon Máy luân nhiệt Đầu đọc định lượng Real-time Hệ thống máy tính + máy in + software + bộ lưu điện Vật dụng và hóa chất chuẩn máy	2007	1
11	Hệ thống tinh sạch Protein	2004	1
12	Các thiết bị bổ sung cho hệ thống sắc ký cột tự động Cột sắc ký trao đổi Ion Cột sắc ký gel Cột sắc ký ái lực: Protein A, DEAE Blue, Blue - Biologic Maximier - EZLogic Intergration Software - Valve SV 5-4 select valve - Biologic Rach Expansion kit - Econo gradient pump và splitter valve - BioFrep-20 Rach - BioFrep Ice Rach - Biologic QuadTec UV/VIS detector	2007	1 1 3 1 1 1 1 1 1 1 1 1
13	Buồng lạnh để sắc ký, Model: MPR 1410	2007	1

14	Máy quang phổ UV-Vis dùng cho sinh học, Model: ND-1000	2008	1
15	Máy quang phổ UV - Vis hai chùm tia, Model: U-2910	2008	1
16	Máy quang phổ định lượng gen	2004	1
17	Máy lắc theo phương thẳng đứng nhuộm gel	2004	1
18	UV- transilluminator, Model: DyNa Light	2008	1
19	Máy cất nước 2 lần, Model: A4000D	2008	1
20	Hệ thống thâm tích gen và Protein	2004	1
21	Máy luân nhiệt (PCR), Model MJ Mini	2008	2
22	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến. Model: BioMate 3	2004	1
23	Máy PCR loại lớn	2004	1

2.2. Thiết bị phòng 2.8

STT	Danh mục tài sản	Năm	Số lượng
1	Máy sản xuất nước đá	2004	1
2	Hệ nhuộm gel tự động	2004	1
3	Hệ thống đồng hoá mẫu	2004	1
4	Máy đông khô	2004	1
5	Máy đồng nhất mẫu bằng siêu âm, Model: XL2000	2008	1
6	Máy nhuộm gel tự động công suất 12 gel, Model: Dodeca Stainer	2008	1
7	Hệ thống điện di lớn loại lớn, Model: Sequi-Gen GT	2008	1
8	Bộ điện di đứng 12 gel loại lớn, tương thích IEF, Model: Protean Plus Dodeca Cell	2008	1
9	Tủ hút khí độc có quạt hút ra ngoài, Model: Basic 70	2008	1
10	Máy ly tâm ống Eppendorf, Model: Mikro 120	2007	1
11	Máy cắt lạnh, Model: Tissue-Tek Cryo3 DM	2008	1
12	Bể điều nhiệt có lắc, Model: BT-350R	2008	1
13	Hệ thống cô mẫu DNA, RNA chân không	2004	1
14	Tủ lạnh sâu -86oC	2004	1
15	Tủ bảo quản mẫu 4oC (loại nhỏ)	2004	1
16	Bơm chân không, Model: CZ-79203-20	2008	2
17	Bộ phá mẫu (mô - tế bào của động - thực vật và vi sinh vật) bằng áp suất, Model: French Press	2008	1

18	Mixer, Model: Thermomixer Comfort	2008	1
19	Máy cắt nước 2 lần, Model: A4000D	2008	1
20	Hệ thống sấy khô gen, Model: GelAir Drying System	2008	1
21	Máy rửa phim X quang tự động, Model: Ecomat 21	2008	1
22	Hệ điện di giải trình tự gen	2004	1
23	Máy rửa dụng cụ thủy tinh, Model: H-1175	2008	1
24	Máy ly tâm lạnh (18,000 rpm), Model: UniCen MR	2008	1
25	Hybridization, Model: ProBlot 12	2008	1
26	UV Crosslinker, Model: CL-1000	2008	1
27	Cân kỹ thuật 10-4	2004	1
28	Máy chiếu tia cực tím để gắn gen	2004	1
29	Tủ lạnh sâu đứng -30 độ C, Model: MDF-U333	2008	1
30	Máy ly tâm lạnh (14,000 rpm), Model: 5417R	2008	1
31	Hệ thống sấy kho gel chân không nhiệt, Model: HydroTech Gel Drying System	2008	1
32	Bình đựng ni tơ lỏng, Model: Lab50	2008	1
33	Máy ly tâm ống eppendorf, Model: 5424	2008	2
34	Bộ điện di đứng loại lớn, Model: Protean II XL	2008	3
35	Tủ sấy, Model: MOV-212	2008	1
36	Heating block, Model: SBH 130 D	2008	1
37	Bể điều nhiệt tuần hoàn	2004	1
38	Máy khuấy từ gia nhiệt, Model: C-MAG HS 7	2008	1
39	Nồi khử trùng, Model: MC-40L	2008	1
40	Tủ âm CO2, Model: MCO-18AIC	2008	1
41	Tủ hút	2004	1
42	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao, Model: HiCenXL	2008	1
43	Kính hiển vi quang học, bao gồm		
	Kính hiển vi quang học, Model: E55i	2008	1
	Camera KTS số lạnh đơn sắc, Model: DS-QiMc-U2	2008	1
	Bộ máy tính Đông Nam Á	2008	1
	Máy in màu, Model D5360	2008	1
	Kính hiển vi đối pha, Model: E50i	2008	1
44	Bể điều nhiệt kèm máy lắc	2004	1
45	Kính lúp 2 mắt, Model: SMZ-168	2009	1

46	Máy đếm khuẩn lạc, Model: 8500	2009	1
47	Bộ Shoxhlet, Model: EV6 AII/14	2009	1
48	Rocker	2008	1
49	Bể điều nhiệt có lắc, Model: BT-350R	2008	1
50	Hệ thống sắc ký lỏng cao áp, Model: Spectra system Hệ thống cung cấp dung môi: bao gồm Bơm dung môi Bộ phận loại khí chân không dung môi pha động Hệ thống phát tín hiệu UV2000 Hệ thống điều khiển và phần mềm: bao gồm Phần mềm chuyên dụng điều khiển và xử lý số liệu, Bộ tiếp giáp điều khiển, Máy tính VietCom Máy in Hệ thống thu sản phẩm tách phân đoạn Các loại cột Các phụ kiện Hóa chất các loại	2007	1

2.3. Hệ lên men pilot: phòng 2.1

STT	Danh mục tài sản	Năm	Số lượng
1	Hệ thống lên men dạng pilot, Model: BioFlo 510 Hệ thống lên men dạng pilot, Model: BioFlo 510 Nồi hơi dùng cho hệ thống lên men, Model LDO,05/8 Máy tuần hoàn nóng lạnh dùng cho hệ thống lên men, Model: FL1203 Máy nén khí, Model: OF 301-4B	2009	1
2	Máy ly tâm liên tục, Model: LC	2009	1

2.4. Phòng kính hiển vi điện tử quét (SEM) + Kính hiển vi khác: phòng 2.3

STT	Danh mục tài sản	Năm	Số lượng
1	Hệ thống kính hiển vi điện tử quét tích hợp	2009	
	Kính hiển vi điện tử tích hợp, Model: SU-1500		1

	Hệ vi phân tích phổ tán xạ năng lượng Model: EMAX Energy EX-250		1
	Các phụ kiện cung cấp kèm theo: - Hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn khép kín, Model: W-5030 - Bộ kết nối điều khiển cơ sở dữ liệu (DBC) - Hệ thống chân và bàn cho máy vi tính - Phần mềm, Model: 3D-VIEW - Bộ dụng cụ và hàng hóa tiêu hao cho FE – SEM		1
2	Các thiết bị phụ trợ		
	Thiết bị phun xạ ion, Model: 1010	2009	1
	Bình đựng nitơ lỏng, Model: Lab 20	2009	1
	Bộ cell giữ mẫu lỏng Quantomix, Model:SK-102-24	2009	1
	Bình UV/Cryo, Model: UV/Cryo Chamber	2009	1
	Dao cắt mẫu bằng kim cương, Model: Ultra 35	2009	1
	Máy nghiền mẫu	2009	1
3	Kính hiển vi huỳnh quang, Model: E80i	2008	1
4	Kính hiển vi soi ngược phản pha - huỳnh quang, Model: TE2000-U	2008	1

PHỤ LỤC 2
TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CẦN ĐẦU TƯ

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
I	Cơ sở hạ tầng				
1	Xây dựng trại thử nghiệm	150.000	1	150.000	
II	Thiết bị, dụng cụ chuyên dụng				
1	Bồn tắm chuyên dụng	12.000	2	24.000	
2	Máy sấy	350	2	700	
3	Máy xén, tia lông	300	2	600	
4	Máy hấp chuyên dụng	3000	2	6.000	
5	Đồ chụp mõm	50	10	500	
6	Đồ chuyên dụng vệ sinh răng miệng	150	5	750	
7	Đồ chuyên dụng chăm sóc móng, tai	150	5	750	
8	Dụng cụ chải lông	40	10	400	
9	Đồ dụng văn phòng (bàn ghế, máy tính, giường chăm sóc vật nuôi...)			80.000	
10	Thức ăn, thuốc thú y			25.000	
11	Chuồng	1.500	10	15.000	
12	Vòng cổ cho vật nuôi	30	30	900	
13	Sữa tắm, dầu gội	250	10	2.500	
14	Bát com	40	30	1.200	
15	Vitamin	150	20	3.000	
16	Quần áo	150	30	4.500	
17	Dụng cụ chuyên dùng khác			50.000	
	TỔNG CỘNG			365.800	

PHỤ LỤC 3
DỰ KIẾN NGUỒN THU/CHI TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG

Chi phí đầu tư (I) Mục chi			Doanh thu (II)		Lợi nhuận (III)			Ghi chú
STT	Hạng mục	Số tiền (đồng)	Mục thu	Số tiền (đồng)	Năm 1(III1)	Năm 2 (III2) (tăng 10%)	Năm 3 (III3) (tăng 20%)	
1	Xây dựng sửa chữa các phòng chăm sóc và phòng trị	150,000,000	Hoạt động dịch vụ lưu trú và phòng nghỉ thú cưng	50,000,000	25,000,000	27,500,000	30,000,000	Sau năm thứ 3 lợi nhuận sẽ ổn định
2	Đầu tư trang thiết bị	140,800,000	Hoạt động chăm sóc, phòng/trị bệnh vật nuôi	70,000,000	30,000,000	33,000,000	36,000,000	

3	Thức ăn, thuốc thú y, và một số chi khác	75,000,000	Thu từ sản phẩm như gà, lợn sau thử nghiệm	50,000,000	10,000,000	11,000,000	12,000,000	
Tổng		365,800,000		170,000,000	65,000,000	71,500,000	78,000,000	
Chênh lệch				(II-I)= -130,000,000	III1-(II-I)= -65,000,000	6,500,000	84,500,000	Lợi nhuận Sau khi trừ chi phí đầu tư ban đầu